

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2020/HS-PT**
Ngày: 24 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Văn Linh**

Ông **Trần Bá Kha**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thành T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Thành T (tên gọi khác: **Trành**) - Sinh năm: 1987 tại Rạch Giá - Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 và bà: Phạm Thị Thu H, sinh năm 1965; vợ Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2019 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Ông **Nguyễn Hoàng V** - Sinh năm: 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp X, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư **Phạm Hoàng K**, Văn phòng luật sư Phạm Hoàng K - Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp X, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 01/5/2019, Nguyễn Thành T cùng với Trần Văn N uống rượu tại nhà chị vợ của T thuộc ấp X, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Uống hết nửa lít rượu thì nghỉ do hết đồ nhậu, cả hai rủ nhau đi kiếm cá làm mồi nhậu tiếp. N mang theo cây chày (mượn của ông 2 Chim nhà gần đó), còn T mang theo cây dao (lưỡi sắt, cán sắt, dài 40 cm, phần lưỡi dao vuông góc với phần mũi dao) để ra sau liếp kiếm dừa ăn. Do thấy T và Nhiên đi lâu mà chưa vào nên Nguyễn Thị Kim Q (vợ của T) đi kiếm thì thấy có 01 cây dừa bị chặt phần ngọn lấy củ hủ thì Q và T chửi lớn tiếng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, nghe tiếng người chửi ngoài ruộng, lúc này ông Nguyễn Hoàng V chạy từ trong nhà ra chỗ T và N đang đứng trên tay cầm cây dầm bằng gỗ, vợ của V tên Nguyễn Thị Thanh N cùng con trai Nguyễn Hoàng P chạy ra theo sau, Phú cầm theo cây xà beng. Khi đó chị N chạy lại nắm tóc N và đánh vào đầu N thì Q can ngăn nên giữa Q và N xảy ra cự cãi, xô đẩy nhau. Đồng thời giữa ông V và T cũng cự cãi nên ông V lấy điện thoại gọi cho Công an ấp. Trong lúc gọi, ông V đi đến chỗ bà N và Q định can ngăn thì bị T cầm dao bằng tay phải chém từ trên xuống trúng vào vùng cổ bên trái của ông V và T cầm dao tiếp tục chém thì ông V đưa tay trái lên đỡ nên cán dao trúng vào bả vai trái còn mũi dao trúng vào miệng phần môi dưới bên trái gây thương tích. Thấy vậy, anh N đến can ngăn, giật lấy cây dao từ tay của T ném xuống ruộng tôm và kéo T vào nhà. Nguyễn Hoàng V được anh P và bà N đưa đi cấp cứu ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang đến ngày 07/5/2019 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 430/KL-PY ngày 16/7/2019 của Trung T pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận đối với thương tích của Nguyễn Hoàng V như sau:

1- Dấu hiệu chính qua giám định:

Sẹo xơ cứng vùng góc hàm – cổ bên trái và môi bên trái gây ảnh hưởng thẩm mỹ.

2- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 15%.

3- Vật gây thương tích: Vật sắc.

* Về vật chứng của vụ án: 01 cây dao bằng kim loại, dài khoảng 40cm, cán bằng kim loại, phần lưỡi dao vuông góc với phần mũi. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tổ chức truy tìm nhưng không gặp.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

- **Áp dụng:** Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24/7/2019.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ các Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 xử:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thành T và bị hại Nguyễn Hoàng V là bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng V tiền chi phí điều trị và tiền đi lại là 14.500.000đ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Số tiền này bị cáo đã bồi thường xong.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T bồi thường cho người bị hại tiền mất thu nhập là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Đối với yêu cầu khoản tiền thẩm mỹ là 30.000.000đ, nay bị hại Nguyễn Hoàng V xin rút lại, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Sau này có bị hại yêu cầu thì được giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** Ngày 04 tháng 12 năm 2019**, bị hại Nguyễn Hoàng V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau:

- Trách nhiệm hình sự: Đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành T.

- Trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bồi thường thêm các khoản gồm:

+ Tổn thất tinh thần bằng 50 tháng lương cơ sở là 74.500.000đ;

+ Tiền công chăm sóc của người nuôi bệnh 01 tháng là 200.000đ x 30 ngày = 6.000.000đ.

+ Chi phí phẫu thuật thẩm mỹ vết sẹo là 15.000.000đ.

Tổng cộng bị hại yêu cầu bồi thường là 96.500.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo.

Bị hại xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về tăng hình phạt đối với bị cáo; yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần bằng 20 tháng lương cơ sở, tiền phẫu thuật thẩm mỹ 15.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu bị cáo bồi thường tiền công nuôi bệnh trong 01 tháng là 6.000.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:* Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật

hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Xét đơn kháng cáo của bị hại thấy rằng:

Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại xin rút kháng cáo về tăng hình phạt đối với bị cáo, do đó đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo này.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản gồm: tổn thất tinh thần bằng 20 tháng lương cơ sở là 29.800.000đ và tiền phẫu thuật thẩm mỹ là 15.000.000đ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh N (vợ ông V) yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà N tiền công nuôi bệnh trong thời gian 01 tháng là 6.000.000đ.

Xét yêu cầu bồi thường của bị hại và người liên quan là phù hợp quy định pháp luật và tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền này cho bị hại, người liên quan nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường này của bị cáo; khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng mà gia đình bị cáo bồi thường thêm cho bị hại tại phiên tòa.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, đ khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ một phần kháng cáo về tăng hình phạt đối với bị cáo; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về tăng mức bồi thường, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại và người liên quan.

** Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại phát biểu quan điểm như sau:* Cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội Cố ý gây thương tích là đúng người, đúng tội của bị cáo. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù là còn nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi, hành vi của bị cáo chém liên tục hai nhát vào người bị hại, rất côn đồ, hung hăng, cố ý thực hiện hành vi phạm tội tới cùng. Cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 54 xử bị cáo dưới khung là chưa đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại đã tự nguyện rút lại phần kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần này; đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại và người liên quan các khoản tiền tổn thất tinh thần, tiền công người nuôi và tiền phẫu thuật thẩm mỹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy

định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 16 giờ ngày 01/5/2019, khi nghe tiếng người chửi lớn tiếng ngoài ruộng tôm sau nhà thuộc ấp X, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang, Nguyễn Hoàng V cùng vợ và con đi ra xem thì phát sinh mâu thuẫn với bị cáo Nguyễn Thành T. Trong lúc hai bên xảy ra cự cãi, bị cáo T dùng dao chém một nhát trúng vào phần cổ bên trái và chém tiếp một nhát nữa trúng vào bả vai trái và phần môi dưới bên trái của ông V, hậu quả làm ông V bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 15%. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại:

[3.1] Bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị hại tự nguyện xin rút lại phần kháng cáo này, nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này của bị hại.

[3.2] Xét kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường của bị hại:

Tại đơn kháng cáo bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường các khoản: tổn thất tinh thần là 50 tháng lương cơ sở bằng 74.500.000đ; tiền phẫu thuật thẩm mỹ là 15.000.000 đồng và tiền công của người nuôi bệnh là 6.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại thay đổi một phần kháng cáo, yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản gồm: tổn thất tinh thần bằng 20 tháng lương cơ sở là 29.800.000đ và tiền phẫu thuật thẩm mỹ là 15.000.000đ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh N (vợ ông V) yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà tiền công nuôi bệnh trong thời gian 01 tháng là 6.000.000đ.

Xét yêu cầu bồi thường của bị hại và người liên quan là phù hợp quy định pháp luật; tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên cho bị hại và người liên quan nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo; khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng mà gia đình bị cáo bồi thường thêm cho bị hại tại phiên tòa; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 35.800.000đ, cộng với tiền bồi thường mất thu nhập 9.000.000đ mà cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường; tổng cộng bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 44.800.000đ.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, đ khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ một phần kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo; chấp nhận kháng cáo của bị hại và yêu cầu của người liên quan về yêu cầu bồi thường, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại

và người liên quan. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư đề nghị HĐXX đình chỉ một phần kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo; chấp nhận kháng cáo của bị hại về yêu cầu bồi thường thêm các khoản tổn thất tinh thần, tiền công người nuôi bệnh và tiền phẫu thuật thẩm mỹ. Xét đề nghị của Luật sư là phù hợp nhận định HĐXX nên chấp nhận

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị hại kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.
- Bị cáo phải chịu án phí trên số tiền phải bồi thường là $5\% \times 44.800.000 \text{ đồng} = 2.240.000 \text{ đồng}$.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, đ khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo và chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Hoàng V

- Sửa bản án sơ thẩm số 19/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang

1. **Áp dụng:** Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thành T 01 (Một) năm tù** về tội **“Cố ý gây thương tích”**, thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thành T tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại ông Nguyễn Hoàng V các khoản tiền gồm: Tổn thất tinh thần, tiền mất thu nhập và chi phí phẫu thuật thẩm mỹ, tổng cộng là **38.800.000 (Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng**.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thành T bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh N tiền công của người nuôi bệnh là **6.000.000 (Sáu triệu) đồng**.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường là 2.240.000 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I (1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Tổ HCTP (1);
- TAND huyện (1);
- THA huyện (1);
- CQCSĐT huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Tòa hình sự (5);

Nguyễn Thành Quang